

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21-11-2018

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dũ

Bà Phạm Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1974 (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Văn T (T Em), sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng cư trú tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Ng trình bày: Bà và ông Phạm Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông T chung sống với nhau rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây bà và ông T thường xuyên cự cãi, xúc phạm lẫn nhau, ông T đánh đập bà nhiều lần và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng bà và ông T không thể hàn gắn tình cảm, bà xác định tình cảm giữa bà và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có bốn người con chung tên Phạm Thị Diễm M, sinh năm 1996; Phạm Thị Băng N, sinh năm 1997;

Phạm Minh Thư, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2000 và Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2013. Hiện tại Phạm Diễm M, Phạm Băng N và Phạm Minh Thư đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân bà không yêu cầu giải quyết. Riêng Phạm Thị Thảo V bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000 đồng.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 18 tháng 10 năm 2018 và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn T trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Lê Thị Ng về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng là đúng. Nay bà Ng xin ly hôn với ông, ông đồng ý.

Về con chung có bốn người đúng như bà Ng đã trình bày. Hiện tại Phạm Thị Diễm M; Phạm Thị Băng N và Phạm Minh Thư đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân ông không yêu cầu giải quyết. Ông đồng ý giao người con chung tên Phạm Thị Thảo V cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 695.000 đồng theo yêu cầu của bà Ng.

Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Văn T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ng và ông Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Ng và ông T không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Ng và ông Phạm Văn T.

[3] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Ng và ông T có bốn người con chung tên Phạm Thị Diễm M, sinh năm 1996; Phạm Thị Băng N, sinh năm 1997; Phạm Minh Thư, sinh 06 tháng 11 năm 2000 và Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2013. Đối với Phạm Thị Diễm M, Phạm Thị Băng N và Phạm Minh Thư đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét. Đối với Phạm Thị Thảo V, bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông T đồng ý giao người con chung tên Phạm Thị Thảo V cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà Ng và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật

nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Ng và ông T, giao người con chung tên Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2013 cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Ng yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 695.000 đồng, tại phiên tòa ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà Ng và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Ng và ông T, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2013 mỗi tháng 695.000đ, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Ng phải nộp 300.000đ, bà Ng đã dự nộp 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Ng và ông Phạm Văn T (T Em).

- Về quyền nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị Ng và ông Phạm Văn T, giao người con chung tên Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2013 cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2013 mỗi tháng 695.000đ (sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21 tháng 11 năm 2018) cho đến khi người con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Khi có lý do chính đáng các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Lê Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007297 ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều